

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-7-2018

V/v: *Ly hôn*.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Minh Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Cát Tường
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Kiểm sát viên.

Ngày 26-7-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị M - SN 1965

Bị đơn: Anh Vũ Thế N - SN 1960

Cùng địa chỉ: Số 05/33 đường L, phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị M có mặt; anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Mai Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Thế N kết hôn năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện S, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, đến năm 1998 vợ chồng ly thân. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N có 02 con chung là Vũ Thị Lan H- SN 07/11/1989 và Vũ Thế N2- SN 25/12/1997. Các con đã thành niên.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về phía bị đơn- anh Vũ Thế N: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh hoàn toàn không có mặt. Tại biên bản giao nhận ngày 04/5/2018, anh N có nguyện vọng sau khi con trai (Vũ Thế N2) thi đại học xong, anh mới đồng ý giải quyết.

Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: Chị M và anh N quá trình chung sống tại địa phương phát sinh mâu thuẫn, tuy không cãi vã to tiếng nhưng anh chị đã sống ly thân bằng hình thức ngăn đôi ngôi nhà tại số 05/33 đường L, phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, mỗi người ở một phần ngôi nhà. Về con chung của chị M và anh N, các cháu đã thành niên.

Tại phiên tòa, chị Mai Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn- anh N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[*Về thẩm quyền và tố tụng:* Anh Vũ Thế N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử vắng mặt anh N].

[*Về hôn nhân:* Chị M và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống theo chị M, vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến năm 1998 vợ chồng ly thân. Chính quyền địa phương cũng xác nhận chị M và anh N sống ly thân bằng hình thức ngăn đôi ngôi nhà tại số 05/33 đường L, phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, mỗi người ở một phần ngôi nhà. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị M, anh N không thể hàn

gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật HN và GD, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh N].

[*Về con chung*: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thị Lan H- SN 07/11/1989 và Vũ Thế N2- SN 25/12/1997 (đều đã thành niên)].

[*Về tài sản, công nợ*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết].

[*Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị M chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật].

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị Mai Thị M được ly hôn anh Vũ Thế N.

Về con chung: Chị M và anh N có 02 con chung là Vũ Thị Lan H- SN 07/11/1989 và Vũ Thế N2- SN 25/12/1997 (đều đã thành niên).

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Mai Thị M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004923 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị M đã nộp đủ án phí).

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc từ ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- UBND xã Nga Thiện, Nga Sơn, TH;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hồ Thị Minh Hạnh

